

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-8-2020  
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Á

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Hoa Lài

2. Ông Võ Văn Cho

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tuấn Vũ –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2020/TL.ST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Tạ Thị Ánh H

Địa chỉ: Ấp NTA, xã NNA, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

**2. Bị đơn:** Ông Lê Hoàng N

Địa chỉ: Ấp NTA, xã NNA, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Tạ Thị Ánh Hồng trình bày tại bản tự khai: Bà và ông Lê Hoàng N kết hôn với nhau năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2005. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, đời sống chung không còn hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay, bà H xác định không còn tình cảm với ông Lê Hoàng N nên làm đơn xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Ngọc A (nữ), sinh ngày 26/11/2004 và Lê Tấn T (nam), sinh ngày 08/6/2013. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Hoàng N trình bày tại bản tự khai ngày 03/7/2020: Ông N thống nhất với phần trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân. Do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay, bà H xin ly hôn ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Ngọc A (nữ), sinh ngày 26/11/2004 và Lê Tấn T (nam), sinh ngày 08/6/2013. Sau khi ly hôn ông N đồng ý để bà H nuôi 02 con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông N. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông N giao 02 con chung Lê Thị Ngọc A (nữ), sinh ngày 26/11/2004 và Lê Tấn T (nam), sinh ngày 08/6/2013 cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu cấp dưỡng con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Tạ Thị Ánh H và ông Lê Hoàng N do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông N, do ông N có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà H cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi nên đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay bà H xin ly hôn, phía ông N có văn bản gửi đến Tòa án đồng ý ly hôn và yêu cầu được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4] Về con chung: Bà H và ông N thống nhất có 02 con chung Lê Thị Ngọc A (nữ), sinh ngày 26/11/2004 và Lê Tấn T (nam), sinh ngày 08/6/2013. Từ khi ly thân đến nay các con chung đều do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, phía bà H có yêu

cầu nuôi 02 con chung và phía ông N cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông N giao hai con chung cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng. Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Ánh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Tạ Thị Ánh H được ly hôn với ông Lê Hoàng N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông N giao hai con chung Lê Thị Ngọc A (nữ), sinh ngày 26/11/2004 và Lê Tấn T (nam), sinh ngày 08/6/2013 cho bà Hồng được tiếp tục nuôi dưỡng. Do bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tạ Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0003775 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà H đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã NN A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Á**